TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/01/2021
Về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu H- ơng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Huỳnh Phương Lan**
2. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

- ***Th□ ký phiên tòa:*** Bà **Lữ Cẩm Nhung** - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Ông **Lâm Sển** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai công khai vụ án thụ lý số: 337/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXX-ST, ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Danh Thị Thu T**, sinh năm 1984
Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K.
Địa chỉ tạm trú: Khu phố B, thị trấn M, huyện C, tỉnh K.
(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh **Danh H**, sinh năm 1980
Địa chỉ: Tổ 23, khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K.
(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2020 của nguyên đơn Danh Thị Thu T, bản tự khai của nguyên đơn, nội dung biên bản không tiến hành hoà giải đ- ợc vào ngày 27/11/2020, vụ án có nội dung nh- sau:

Vào năm 2000, sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và đ- ợc sự đồng ý của gia đình hai bên, chị Danh Thị Thu T cùng anh Danh H tổ chức lễ c- ới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn M, huyện C, tỉnh K vào năm 2004; đã đ- ợc UBND thị trấn M cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76/TP, quyển số I. Trong quá trình chung sống, chị T và anh H có 02 người con chung là Danh Nhựt H, sinh

ngày 06/9/2001 và cháu Danh Nhật H, sinh ngày 17/11/2013 đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng; có tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K trị giá khoảng 150.000.000 đồng hiện nay đang do anh Danh H quản lý, sử dụng, đất do cha của anh Danh H là ông Danh Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho lại chị T và anh H vào năm 2003, nhà do chị T và anh H xây dựng vào năm 2003; không có nợ chung. Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng giữa chị Danh Thị Thu T và anh Danh H hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do anh Danh H hay ghen tuông vô cớ, xúc phạm danh dự của chị T, chị T và anh H đã ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay.

Chị Danh Thị Thu T yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đ- ợc ly hôn với anh Danh H.

- Về con chung: Yêu cầu đ- ợc tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục cháu Danh Nhật H, sinh ngày 17/11/2013 cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi, yêu cầu anh Danh H cấp d- ỡng nuôi cháu H với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi cháu H được tính từ ngày Tòa án xét xử vụ án cho đến khi cháu Nhật H tròn 18 tuổi. Danh Nhựt H đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Danh H theo quy định của pháp luật, nh- ng anh Danh H không hợp tác nên Tòa án không thu thập đ- ợc lời khai của anh Danh H.

Tại phiên tòa, chị Danh Thị Thu T vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên.

□ kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa và của ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Danh Thị Thu T; không xem xét về tài sản chung và nợ chung giữa chị Danh Thị Thu T và anh Danh H do chị Danh Thị Thu T không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vào năm 2000, chị Danh Thị Thu T và anh Danh H thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 24/7/2020, chị Danh Thị Thu T có đơn khởi kiện yêu cầu đ- ợc ly hôn với anh Danh H và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung giữa chị Danh Thị Thu T và anh Danh H; anh Danh Hải có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K. Do

đó, đây là tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt anh Danh H tại phiên toà: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 29/12/2020 cho anh Danh H theo quy định của pháp luật, anh Danh H vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do chính đáng, đ- ợc sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và chị Danh Thị Thu T, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Danh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Danh Thị Thu T:

2.1. Về hôn nhân: Tuy chị Danh Thị Thu T và anh Danh H tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2000, có tổ chức lễ c- ới, nhưng đến năm 2004 thì chị T và anh H mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện C, tỉnh K và đ- ợc UBND thị trấn M cấp giấy chứng nhận kết hôn nên theo quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Danh Thị Thu T và anh Danh H là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên chị Danh Thị Thu T yêu cầu đ- ợc ly hôn với anh Danh H.

Xét rằng: Tuy anh Danh H không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, nhưng theo kết quả xác minh của Tòa án thì anh Danh H có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K; chị Danh Thị Thu T và anh Danh H có hai người con chung là Danh Nhựt H, sinh năm 2001 và cháu Danh Nhật H, sinh năm 2013 đang do chị Danh Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, không có nợ chung, do mâu thuẫn kéo dài nên anh, chị đã ly thân với nhau (BL 29). Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Danh H không hợp tác- chứng tỏ anh Danh H không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị Danh Thị Thu T. Qua đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Danh Thị Thu T và anh Danh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt đ- ợc. Căn cứ vào Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Danh Thị Thu T đối với anh Danh H.

2.2. Về con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Chị Danh Thị Thu T và anh Danh H có hai người con chung là Danh Nhựt H, sinh ngày 06/9/2001 và cháu Danh Nhật H, sinh ngày 17/11/2013 đang do chị Danh Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Danh Thị Thu T: Từ khi chị Danh Thị Thu T và anh Danh H ly thân đến nay thì cháu Danh Nhật H đ- ợc chị Danh Thị Thu T trực

tiếp nuôi d- ỡng, giáo dục; căn cứ vào nguyện vọng của cháu Danh Nhật H vào ngày 18/11/2020 (BL 28), quyền lợi về mọi mặt của cháu Nhật H và để ổn định tình cảm, tâm lý cho cháu Nhật H, Tòa án chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Danh Thị Thu T.

2.3. Về cấp d- ỡng nuôi con: Chị Danh Thị Thu T yêu cầu anh Danh H cấp d- ỡng nuôi cháu Danh Nhật H với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi cháu Nhật H được tính từ ngày Tòa án xét xử vụ án cho đến khi cháu Nhật Huy tròn 18 tuổi.

Xét rằng: Hiện nay chị Danh Thị Thu T làm nghề mua bán rau cải với mức thu nhập trung bình khoảng 200.000 đồng/ngày mà phải trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Danh Nhật H nên sẽ gặp khó khăn về điều kiện kinh tế nuôi dưỡng cháu Danh Nhật H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 92 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Tòa án buộc anh Danh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Danh Nhật H, sinh ngày 17/11/2013 với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi cháu Nhật H được tính từ ngày 27/01/2021 dương lịch cho đến khi cháu Nhật H tròn 18 tuổi.

Ng- ời trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để ng- ời không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Tr- ờng hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của ng- ời con, các đ- ơng sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp d- ỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Do Danh Nhựt H đã trưởng thành nên chị Danh Thị Thu Th không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về người trực tiếp nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng đối với Nhựt H. Vì vậy, Tòa án không xem xét vấn đề này.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Danh Thị Thu T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Danh Thị Thu T.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Chị Danh Thị Thu T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Danh Thị Thu T phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Danh Thị Thu T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006469, ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Danh Thị Thu T không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Buộc anh Danh H phải có trách nhiệm nộp án phí cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 11, 12, 13, 14, 85, khoản 1 Điều 89, các Điều 91, 92, 93 và 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Danh Thị Thu T và anh Danh H.

2- Về con chung: Cho chị Danh Thị Thu T đ- ợc tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Nhật H, sinh ngày 17/11/2013 cho đến khi cháu Nhật H tròn 18 tuổi; anh Danh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai đ- ợc quyền cản trở.

3- Về cấp d- ỡng nuôi con: Buộc anh Danh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Danh Nhật H, sinh ngày 17/11/2013 với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi cháu Nhật H được tính từ ngày 27/01/2021 dương lịch cho đến khi cháu Nhật H tròn 18 tuổi.

4- Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Danh Thị Thu Thanh không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

5- Về án phí:

Chị Danh Thị Thu T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Danh Thị Thu T phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Danh Thị Thu T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006469, ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Danh Thị Thu T không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Buộc anh Danh H phải có trách nhiệm nộp án phí cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/01/2021), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ợc Bản án hoặc đ- ợc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- UBND tt Minh Lương, huyện Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu H- ơng